

PHỤ LỤC 1
HIỆN TRẠNG BỐ TRÍ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

TT	Tỉnh/ Xã, phường	Số biên chế dự kiến theo Công văn số 09 của BCĐP (không bao gồm BCHQS)	Tổng số CBCS có mặt toàn xã (không bao gồm BCHQS)	Số lượng lãnh đạo UBND hoạt động chuyên trách	Lãnh đạo UBND cấp xã	Văn phòng HĐND&UBND										Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị										Phòng Văn hóa - Xã hội										Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trong đó		Số biên chế BHXH được tinh giao hiện nay	Số lượng Ban Chỉ huy quân sự xã có mặt	Trong đó		
						Số có mặt	Trong đó:							Số có mặt	Trong đó:					Số có mặt	Trong đó:					Số có mặt	Trong đó:																
							Lãnh đạo, quản lý	Lĩnh vực Văn phòng	Trong đó:			Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đối ngoại		Chuyên viên giúp việc UBND	Lãnh đạo, quản lý	Trong đó:					Lĩnh vực Giáo dục	Trong đó:					Lĩnh vực Y tế															
									Văn phòng	CNNT	HC-VP						Văn thư	Nông nghiệp	Môi trường		Nội vụ		Lao động	Dân tộc, tôn giáo	Văn hóa		Thông tin, truyền thông		Khoa học, công nghệ														
																														Tài chính	Kế hoạch	Xây dựng	Công thương	Giao thông	Nông nghiệp		Môi trường	Nội vụ			Lao động	Dân tộc, tôn giáo	
A	1	2=3+4+5+15+24+34	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41		
I	TỈNH QUẢNG NGÃI																																										
1	Xã Rô Kơri	32	28	3	3	7	2	3	1	0	1	1	1	0	1	6	2	1	0	1	1	0	0	1	6	1	1	1	1	0	1	1	0	0	3	1	2	4	2	1	1	0	
	CỘNG	32	28	3	3	7	2	3	1	0	1	1	1	0	1	6	2	1	0	1	1	0	0	1	6	1	1	1	1	0	1	1	0	0	3	1	2	4	2	1	1	0	

Ghi chú: Đối với xã, phường, đặc khu có công chức giúp việc của Ban HDND cấp xã thì thống kê vào cột (14) chuyên viên giúp việc HDND

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN NAY

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chức vụ/chức danh	Phòng chuyên môn công tác	Vị trí việc làm (Ghi rõ VTVL được phân công theo định hướng danh mục VTVL kèm CV 7415/BNV-CCVC và CV 9395/BNV-CCVC của Bộ Nội vụ)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
I	Cán bộ, công chức cấp xã (HĐND, UBND)								
1	Nguyễn Minh Thuận	2/28/1973	Nam	Đại học	Nông học	Chủ tịch UBND			
2	Ngô Công Phương	10/3/1969	Nam	Đại học	Nông học	Phó Chủ tịch HĐND			
3	Đoàn Thế An	7/2/1993	Nam	Thạc sỹ	Quản trị Kinh doanh	Phó Chủ tịch UBND			
4	Mai Nhữ Nam	7/10/1978	Nam	Đại học	Luật Kinh tế	Phó Chủ tịch UBND			
5	A Theng	20/6/1974	Nam	Đại học	Luật Kinh tế	Phó Ban Kinh tế ngân sách HĐND xã			
6	Y Chít	4/17/1987	Nữ	Đại học	Quản lý Nhà nước	Phó Ban VH-XH HĐND xã			
7	Hoàng Kim Điền	24/5/1985	Nam	Đại học	Lâm nghiệp	Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND&UBND	Lãnh đạo, quản lý	
8	Lê Thị Hậu	20/5/1978	Nữ	Đại học	Luật	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND&UBND	Lãnh đạo, quản lý	
9	Huỳnh Thị Thu Huyền	20/02/1995	Nữ	Đại học	Khoa học Môi trường	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí Chuyên viên Hành chính - Văn phòng kiêm Vị trí công nghệ thông tin	
10	Nguyễn Văn Thành	10/17/1983	Nam	Đại học	Quản lý Nhà nước và Quản trị - Kinh doanh	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí Văn phòng kiêm Vị trí đối ngoại	
11	Nguyễn Thị Sương	05/02/1991	Nữ	Đại học	Kế toán	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Kế toán Văn phòng kiêm nhiệm kế toán Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm PVHCC	
12	Vũ Thị Phương	28/9/1989	Nữ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí tư pháp kiêm Vị trí Văn thư viên	
13	Nguyễn Duy Cảnh	01/10/1982	Nam	Đại học	Luật	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí giúp việc HĐND	
14	Nguyễn Văn Minh	8/12/1976	Nam	Đại học	Kinh tế phát triển	Trưởng phòng	Phòng Kinh tế	Lãnh đạo, quản lý	

15	Vũ Ngọc Anh	10/30/1988	Nam	Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình	Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế	Lãnh đạo, quản lý	
16	Lưu Ngọc Hải	09/12/1986	Nam	Đại học	Kế toán	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí Tài chính kiêm vị trí Kế hoạch	
17	Võ Minh Vương	5/4/1991	Nam	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí Xây dựng kiêm vị trí Môi trường	
18	A Thôn	04/08/1987	Nam	Đại học	Kinh tế phát triển	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí Công thương kiêm Giao thông	
19	A Việt	12/10/1987	Nam	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí nông nghiệp	
20	Nguyễn Thị Thùy Dung	11/10/1982	Nữ	Đại học	Đại học Tâm lý và Giáo dục học	Trưởng phòng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Lãnh đạo, quản lý	
21	A Beng	4/26/1988	Nam	Đại học	Luật Hành chính	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí Nội vụ kiêm vị trí Dân tộc - Tôn giáo	
22	Bùi Thị Vân	9/1/1990	Nữ	Đại học	Công tác xã hội	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí lao động kiêm vị trí Y tế	
23	A Hoai	8/14/1993	Nam	Đại học	Công tác xã hội	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí Giáo dục và đào tạo	
24	Nguyễn Thanh Tinh	7/1/1991	Nam	Đại học	Việt Nam học	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí văn hóa kiêm vị trí Khoa học và Công nghệ	
25	Nguyễn Thế Dự	9/5/1978	Nam	Đại học	Tài chính - Kế toán	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí thông tin, truyền thông	
26	A Türk	5/19/1986	Nam	Thạc sỹ	Quản lý Kinh tế	Phó Giám đốc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh đạo, quản lý	
27	Nguyễn Đức Hoàng	7/30/1978	Nam	Đại học	Luật	Chuyên viên	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên môn về Tư pháp - Hộ tịch	
28	Nguyễn Minh Hòa	1/26/1998	Nam	Đại học	Sư phạm chính trị và Cử nhân Luật	Chuyên viên	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên môn về Tư pháp - Hộ tịch	
29	Y Beo	4/5/1989	Nữ	Đại học	Công nghệ môi trường	Chuyên viên	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Kiểm soát TTHC, xây dựng chính quyền điện tử	
II	Công chức Ban chỉ huy quân sự cấp xã								
1	Trần Văn Nghiệp	18/9/1978	Nam	Trung cấp, Đại học	Quân sự, Quản lý Nhà nước	Chi huy trưởng	Ban Chỉ huy quân sự xã	Lãnh đạo, quản lý	
2	A Nãi	13/6/1991	Nam	Cao đẳng	Quân sự	Phó Chỉ huy trưởng	Ban Chỉ huy quân sự xã	Lãnh đạo, quản lý	

Ghi chú:

- Đề nghị rà soát định hướng danh mục vị trí việc làm ở cấp xã theo Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 31/8/2025 và Công văn số 9395/BNV-CCVC ngày 15/10/2025 của Bộ Nội vụ để điền đầy đủ thông tin tại cột (7) theo ví dụ cho phù hợp.
- Đối với công chức kiêm nhiệm nhiều vị trí việc làm thì xác định, ghi rõ vị trí chính và vị trí kiêm nhiệm (ví dụ: Ông Nguyễn A: vị trí Nội vụ kiêm vị trí giáo dục và đào tạo) tại Phụ lục 2 và khi thống kê số lượng tại Phụ lục 1 điền thông tin vị trí chính

PHỤ LỤC 3

RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM THỪA, THIẾU THEO ĐỊNH HƯỚNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM (KHÔNG BAO GỒM BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ)

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Biên chế dự kiến theo CV 09 của BCĐCP (không bao gồm công chức Ban Chỉ huy quân sự cấp xã)	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có (không bao gồm số lượng công chức Ban Chỉ huy quân sự cấp xã)	Xác định số lượng Vị trí việc làm thiếu so với biên chế dự kiến theo CV 09			Xác định số lượng Vị trí việc làm thừa so với biên chế dự kiến theo CV 09			Giải pháp/kiến nghị khắc phục thừa/thiếu công chức
				Số lượng Vị trí việc làm thiếu	Tên Vị trí việc làm thiếu (nêu cụ thể)	Nguyên nhân thiếu công chức	Số lượng Vị trí việc làm thừa	Tên Vị trí việc làm thừa (nêu cụ thể)	Nguyên nhân thừa công chức	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Xã Rờ Koi	32	29	3	Vị trí Chuyên viên về Công nghệ thông tin/Vị trí Chuyên viên quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản/Vị trí Chuyên viên tham mưu về nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng;...	Do không có công chức chuyên môn có trình độ đào tạo phù hợp	0	0	0	Hướng dẫn cho chủ trương sử dụng nguồn kinh phí theo biên chế được giao để chi trả lương về thực hiện hợp đồng lao động đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ và được hướng dẫn về mẫu hợp đồng tại Thông tư số 16/2025/TT-BNV ngày 02/10/2025 của Bộ Nội vụ

Lưu ý: Vị trí việc làm tại cột (5) (6) (8) (9) xác định theo định hướng Vị trí việc làm kèm theo Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 31/8/2025 và Công văn số 9395/BNV-CCVC ngày 15/10/2025 của Bộ Nội vụ

PHỤ LỤC 4
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ ĐÃ NGHỈ VIỆC/CHUYỂN CÔNG TÁC TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NAY

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chức vụ/chức danh	Phòng chuyên môn công tác	Đã nghỉ việc (Đánh dấu X)				Đã chuyển công tác		Ghi chú
								Nghỉ chế độ theo ND 178	Nghỉ chế độ theo ND 154	Nghỉ Chế độ khác	Nghỉ khác	Đánh dấu (X)	Ghi rõ nơi đã chuyển công tác đến	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
I	Cán bộ, công chức cấp xã (HĐND, UBND)													
1	Đặng Quang Vinh	4/4/1974	Nam	Đại học	Luật Kinh tế	Phó Trưởng phòng	Phòng Văn hóa - Xã hội	X						
2	Lê Thị thủy	9/1/1983	Nữ	Đại học	Công tác xã hội	Chuyên viên	Trung tâm Phục vụ hành chính công	X						
II	Công chức Ban chỉ huy quân sự cấp xã													
1														
2														
3														
4														

Ghi chú:

- Thống kê danh sách tất cả cán bộ, công chức tại cấp xã đã nghỉ việc, chuyển công tác kể từ ngày 01/7/2025 đến nay;
- Đối với CBCC đã chuyển công tác đề nghị ghi rõ cơ quan được chuyển đến (bao gồm cả CBCC khối chính quyền điều động sang khối đảng, viên chức trong phạm vi xã)